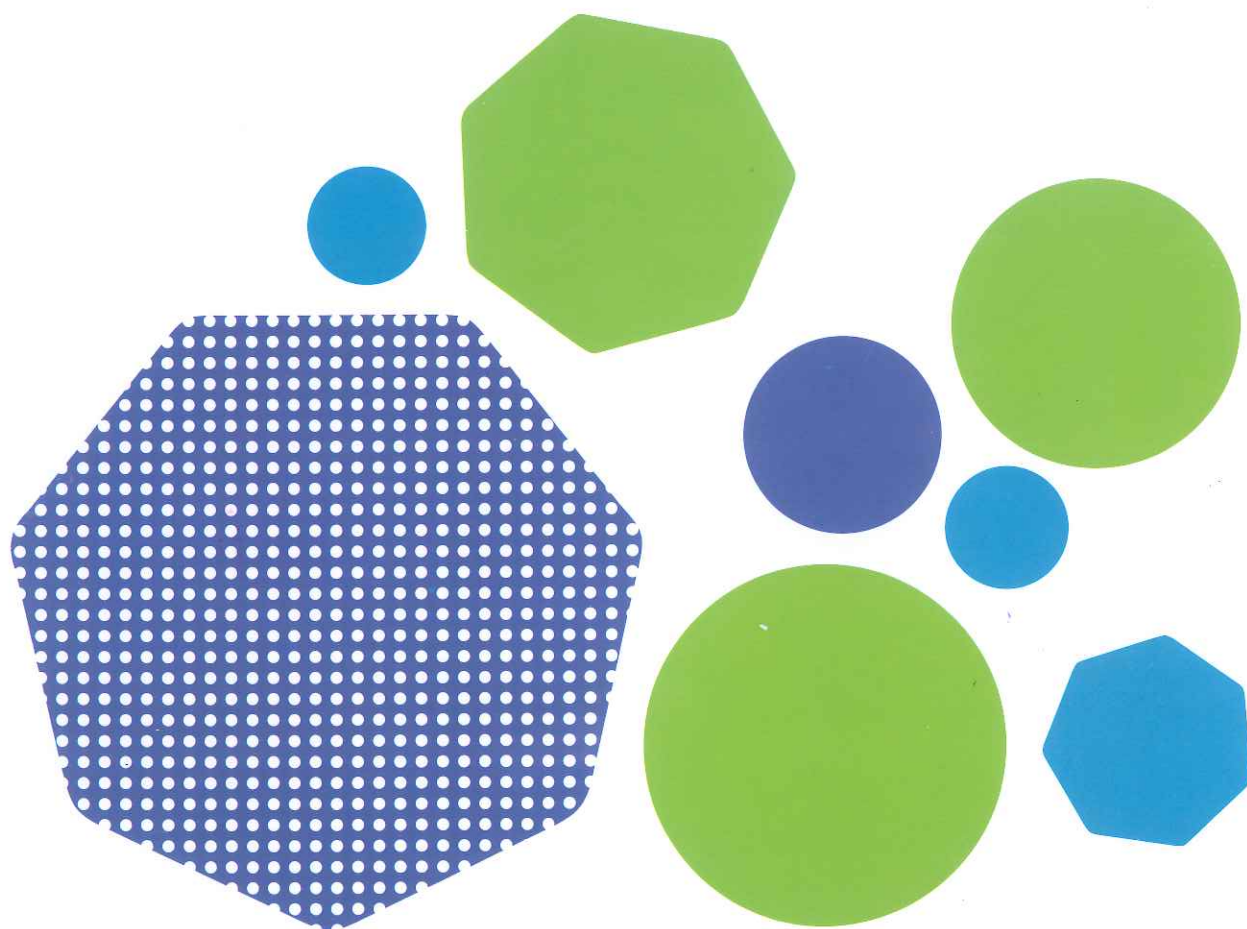


CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 34



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình (sau đây được gọi là “Công ty”) đề trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Trần Thị Yến Chi	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24/06/2024
Bà Vũ Thị Dương	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 24/06/2024
Bà Hà Thị Mai Hương	Thành viên	
Bà Lê Thị Thanh Hải	Thành viên	

Ban Kiểm soát

Bà Đặng Thị Phương Thảo	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Trang	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Văn Hưng	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 18/04/2024

Kế toán trưởng là Ông Nguyễn Văn Trung

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Điều hành Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Chi nhánh Hà Nội – Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, ban hành bởi Bộ Tài chính. Đồng thời, Công ty tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



Trần Thị Yến Chi
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hải Phòng, ngày 31 tháng 03 năm 2025



Số: 383/2025/UHYHN-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 31/03/2025, từ trang 06 đến trang 34 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Tại thời điểm 01/01/2024, Chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho cũng như không thực hiện được thủ tục thay thế. Theo đó Chúng tôi không đánh giá được tính hiện hữu và tính giá trị của hàng tồn kho với giá trị là 55.308.044.791 VND tại ngày này. Do vậy, chúng tôi cũng không đánh giá được tính đúng kỳ, giá trị của việc ghi nhận doanh thu và giá vốn với số tiền lần lượt là 55.321.183.800 VND và 55.308.044.791 VND trong kỳ của toàn bộ lô hàng nói trên trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 của Công ty.

Tại thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Chúng tôi chưa nhận được thư xác nhận số dư của các khoản công nợ: Phải thu ngắn hạn của khách hàng, Trả trước cho người bán ngắn hạn và Phải trả người bán ngắn hạn khác tại ngày 31/12/2024 với số tiền lần lượt khoảng 525,79 tỷ VND; 131,54 tỷ VND và 7,2 tỷ VND. Các thủ tục kiểm toán thay thế không đem lại cơ sở để chúng tôi đánh giá tính hiện hữu, tính đầy đủ và tính giá trị của các khoản công nợ nêu trên. Các đối chiếu xác nhận tại ngày 31/12/2023 cũng không thu thập được và các thủ tục kiểm toán khác không đem lại cơ sở để chúng tôi đánh giá tính hiện hữu, tính đầy đủ và tính giá trị của các khoản công nợ nêu trên cùng với các điều chỉnh (nếu có) đối các với khoản dư phòng phải thu ngắn hạn khó đòi với giá trị khoảng 342 tỷ VND.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Trong năm 2024, Công ty lỗ một khoản 140 tỷ VND. Tại thời điểm 31/12/2024, Lỗ lũy kế của Công ty là khoảng 401,7 tỷ VND, tương ứng 57% vốn chủ sở hữu. Đồng thời, tại thời điểm phát hành Báo cáo này Công đang bị cưỡng chế hóa đơn do không hoàn thành các nghĩa vụ về thuế. Những sự kiện này tồn tại các yếu tố không chắc chắn ảnh hưởng tới khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty vẫn được trình bày theo giả định liên tục.

Hà Nội, Ngày 31 tháng 03 năm 2025

CHI NHÁNH HÀ NỘI - CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY



ĐẶNG MINH ĐỨC - Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4885-2025-112-1

LẠI TRƯỜNG DƯƠNG - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3392-2021-112-1

Mẫu số B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		326.093.629.601	462.454.055.155
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	10.224.908.453	10.175.244.925
Tiền	111		224.908.453	175.244.925
Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	10.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		315.848.224.252	396.386.758.030
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	525.791.380.280	559.261.348.973
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	131.543.268.893	48.165.363.393
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	289.826.211	309.059.088
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(341.776.251.132)	(211.349.013.424)
Hàng tồn kho	140	10	-	55.308.044.791
Hàng tồn kho	141		-	55.308.044.791
Tài sản ngắn hạn khác	150		20.496.896	584.007.409
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	76.091	16.552.169
Thuế GTGT được khấu trừ	152		20.420.805	57.455.240
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	-	510.000.000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.621.623.333	11.481.197.095
Tài sản cố định	220		8.619.060.967	11.476.866.717
Tài sản cố định hữu hình	221	10	8.619.060.967	11.476.866.717
- Nguyên giá	222		15.377.198.132	20.216.407.222
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.758.137.165)	(8.739.540.505)
Tài sản dài hạn khác	260		2.562.366	4.330.378
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	2.562.366	4.330.378
TỔNG TÀI SẢN	270		334.715.252.934	473.935.252.250

0073
ÔNG
Ổ PH
NHÀ
ẢNG
NG-7

Mẫu số B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31/12/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		30.685.857.418	29.442.306.816
Nợ ngắn hạn	310		30.685.857.418	29.442.306.816
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	7.207.894.724	7.078.129.505
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	81.740.843
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	4.332.108.240	756.512
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	752.630.317	761.789.133
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	13	10.617.000.000	13.743.666.686
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.776.224.137	7.776.224.137
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		304.029.395.516	444.492.945.434
Vốn chủ sở hữu	410	15	304.029.395.516	444.492.945.434
Vốn góp của chủ sở hữu	411		693.299.280.000	693.299.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		693.299.280.000	693.299.280.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(3.249.100.000)	(3.249.100.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		15.692.449.297	15.692.449.297
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(401.713.233.781)	(261.249.683.863)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(261.249.683.863)	(220.217.002.727)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(140.463.549.918)	(41.032.681.136)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		334.715.252.934	473.935.252.250

Hải Phòng, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Đỗ Thu Hằng

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Trung

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Trần Thị Yên Chi

Mẫu số B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	55.540.335.400	453.288.599.350
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		55.540.335.400	453.288.599.350
Giá vốn hàng bán	11	17	55.476.376.475	451.051.808.977
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		63.958.925	2.236.790.373
Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	211.953.115	497.688.199
Chi phí tài chính	22	19	136.250.931	(153.249.660)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		585.571	99.969.069
Chi phí bán hàng	25	20	54.187.104	54.187.104
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	134.297.767.183	72.743.463.886
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(134.212.293.178)	(69.909.922.758)
Thu nhập khác	31	21	226.228.677	29.093.443.569
Chi phí khác	32	22	2.159.434.573	216.201.947
Lợi nhuận khác	40		(1.933.205.896)	28.877.241.622
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(136.145.499.074)	(41.032.681.136)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	4.318.050.844	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(140.463.549.918)	(41.032.681.136)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	(2.026)	(592)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	25	(2.026)	(592)

Hải Phòng, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Đỗ Thu Hằng

Nguyễn Văn Trung



Trần Thị Yến Chi



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		(136.145.499.074)	(41.032.681.136)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		820.398.063	1.232.043.733
Các khoản dự phòng	03		130.427.237.708	67.693.676.197
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(135.665.360)	83.001.751
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(438.181.792)	(410.956.033)
Chi phí lãi vay	06		585.571	99.969.069
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(5.471.124.884)	27.665.053.581
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(49.870.902.372)	35.872.052.943
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		55.308.044.791	(5.268.548.993)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		2.342.924.544	(36.566.657.936)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		18.244.090	(4.090.763)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(585.571)	2.193.106.749
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.646.120.000)	(300.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		680.480.598	23.590.915.581
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(41.000.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.263.636.364	8.582.461
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	4.560.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		231.185.992	518.777.412
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.494.822.356	5.046.359.873

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Mẫu số B03-DN	
			Năm 2024 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		-	1.500.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.126.666.686)	(30.814.999.966)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.126.666.686)	(29.314.999.966)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		48.636.268	(677.724.512)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	10.175.244.925	10.852.051.281
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.027.260	918.156
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	10.224.908.453	10.175.244.925

Hải Phòng, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Đỗ Thu Hằng

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Trung

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Trần Thị Yến Chi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình, (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0200730878 ngày 12/03/2007, đã đăng ký thay đổi lần thứ 32 vào ngày 13/01/2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đến ngày 31/12/2024 là 693.299.280.000 đồng chia thành 69.329.928 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với số lượng 69.329.928 cổ phiếu niêm yết tương ứng 693.299.280.000 đồng với mã chứng khoán là QBS.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 11 người (tại ngày 31/12/2023 là 18 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Dịch vụ xuất khẩu hàng hóa;
- Bán buôn phân bón, bán buôn hóa chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.

1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và dịch vụ.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5 CẦU TRÚC CÔNG TY

Công ty có 1 đơn vị phụ thuộc là Chi nhánh tại Quảng Bình với hoạt động kinh doanh chính là thương mại và dịch vụ.

1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán.

3087
CÔNG TY
HÀNG
XUẤT NHẬP KHẨU
QUẢNG BÌNH
TP. HẢI PHÒNG

ck

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm tài chính 2024.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Riêng chuẩn mực kế toán số 28 - Báo cáo bộ phận chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này.

2.4 GIẢ THIẾT VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Báo cáo tài chính đã được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Trong năm 2024, Công ty lỗ một khoản 140 tỷ VND. Tại thời điểm 31/12/2024, Lỗ lũy kế của Công ty là khoảng 401 tỷ VND, tương ứng 57% vốn góp chủ sở hữu. Đồng thời, tại thời điểm phát hành Báo cáo này Công đang bị cưỡng chế hóa đơn do không hoàn thành các nghĩa vụ về thuế. Những sự kiện này tồn tại các yếu tố không chắc chắn ảnh hưởng tới khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Công ty vẫn đang quá trình đàm phán kinh doanh Xuất nhập khẩu các mặt hàng mới, hiệu quả hơn. Công ty cũng đang tích cực thu xếp tài chính hoàn thành các nghĩa vụ thuế của nhà nước. Ban điều hành của Công ty cam kết tiếp tục hoạt động trong tương lai. Do đó, Ban Điều hành Công ty vẫn đang tiến hành lập Báo cáo tài chính trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 NGOẠI TỆ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

20073
CÔNG
CỔ P
JÁT M
QUẢ
VG BÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được).

Tại ngày 31/12/2024, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản cố cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

10878-
C TY
HÃN
HẬP KH
NG BÌNH
NG-TP. Y

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**Mẫu số B09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50
- Máy móc, thiết bị	05 - 06
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

3.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 2 năm.

3.8 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

3.9 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

3.10 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.11 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông sở hữu và được cơ quan quản lý có thẩm quyền chấp thuận (nếu có).

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

3.12 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu kinh doanh thương mại các mặt hàng phân bón, hóa chất và cho thuê lại kho, cho thuê ô tô,.....

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.13 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá, dự phòng đầu tư tài chính.

3.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.15 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

20073
CÔNG
CỔ PH
T NHẬP
KHOẢN
TỔNG

PHẦN

PHẦN

PHẦN

PHẦN

PHẦN

PHẦN

PHẦN

PHẦN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các thông tin với bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	54.307.537	12.714.223
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	170.600.916	162.530.702
- Các khoản tương đương tiền (*)	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	10.224.908.453	10.175.244.925

(*) Tại ngày 31/12/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng có giá trị 10.000.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cao Bằng với lãi suất 1,9%/năm. Đây là hợp đồng tiền gửi ký quỹ có kỳ hạn nhằm mục đích đảm bảo thực hiện điều kiện kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B09-DN

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	525.791.380.280	(296.512.485.617)	559.261.348.973	(166.085.247.909)
- Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Nhật Thủy	9.595.261.492	(9.595.261.492)	9.595.261.492	(9.595.261.492)
- Công ty Cổ phần Thương mại Abavia Việt Nam	166.805.828.800	(43.076.236.250)	132.049.764.300	(2.401.510.440)
- Công ty Cổ phần Phát triển Phân bón Đình Vũ	107.316.072.995	(107.316.072.995)	107.316.072.995	(107.316.072.995)
- Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Hoàng Cầu	131.258.750.000	(82.399.345.000)	131.488.750.000	(42.039.925.000)
- Công ty Cổ phần XNK Hà Nội	99.050.155.500	(48.028.938.050)	99.060.155.500	-
- Công ty Cổ phần SFOODS	51.840.000	-	68.007.203.950	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn AZ	-	-	-	-
- Khách hàng khác	11.713.471.493	(6.096.631.830)	11.744.140.736	(4.732.477.982)
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	525.791.380.280	(296.512.485.617)	559.261.348.973	(166.085.247.909)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	131.543.268.893	(45.114.548.893)	48.165.363.393	(45.114.548.893)
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn - VT	38.406.500.000	(38.406.500.000)	38.406.500.000	(38.406.500.000)
- Công ty Cổ phần Hoá chất Phúc Lâm	4.465.825.912	(4.465.825.912)	4.465.825.912	(4.465.825.912)
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xuất nhập khẩu Trần Trang	22.150.000.000	-	1.450.064.500	-
- Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Xuất nhập khẩu Bách Việt Hà Nội	6.665.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Nội	56.145.000.000	-	-	-
- Khách hàng khác	3.710.942.981	(2.242.222.981)	3.842.972.981	(2.242.222.981)
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	131.543.268.893	(45.114.548.893)	48.165.363.393	(45.114.548.893)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	289.826.211	(149.216.622)	309.059.088	(149.216.622)
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	28.109.589	-	47.342.466	-
- Ký cược, ký quỹ	112.500.000	-	112.500.000	-
- Phải thu khác	149.216.622	(149.216.622)	149.216.622	(149.216.622)
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	289.826.211	(149.216.622)	309.059.088	(149.216.622)



AM NINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B09-DN

8. NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
- Công ty Cổ phần Hóa chất Phúc Lâm	4.465.825.912	-	(4.465.825.912)	4.465.825.912
- Công ty Cổ phần Thức ăn chăn nuôi Spotlight	2.863.598.538	-	(2.863.598.538)	2.863.598.538
- Công ty Cổ phần EEI	210.000.000	-	(210.000.000)	210.000.000
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Trung Nguyên	4.650.000	-	(4.650.000)	4.650.000
- Al Hamd Argo Food Products PVT.Ltd	701.400.000	-	(701.400.000)	701.400.000
- ALRVAK LTD	698.436.360	-	(698.436.360)	698.436.360
- M/S Blue Park SeaFood SPVT Ltd	115.260.000	-	(115.260.000)	115.260.000
- Hong Kong Jun YU International Import and Export Trading Co, Ltd	76.440.621	-	(76.440.621)	76.440.621
- IBer Digest S.L	208.071.000	-	(208.071.000)	208.071.000
- Siddiq Sea Food	114.120.000	-	(114.120.000)	114.120.000
- South Fish SeaFood S.A.C	113.845.000	-	(113.845.000)	113.845.000
- Công ty TNHH Thương mại Hóa chất An Phát	43.647.749	-	(43.647.749)	43.647.749
- YonShing Trade Co.,Ltd	191.679.004	-	(191.679.004)	191.679.004
- Cano Pus Inter -Trade Pte Ltd	149.216.622	-	(149.216.622)	149.216.622
- Công ty TNHH Thương mại Xuất Nhập Khẩu Nhật Thủy	9.595.261.492	-	(9.595.261.492)	9.595.261.492
- Công ty Cổ phần Phát triển Phân bón Đình Vũ	107.316.072.995	-	(107.316.072.995)	107.316.072.995
- Công ty Cổ phần Thương mại Abavia Việt Nam	166.805.828.800	123.729.592.550	(43.076.236.250)	129.648.253.860
- Công ty SW Intertrade Trading	4.486.106.650	1.488.400.111	(2.997.706.539)	4.486.106.650
- Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Hoàng Cầu	131.258.750.000	48.859.405.000	(82.399.345.000)	131.488.750.000
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn - VT	38.406.500.000	-	(38.406.500.000)	38.406.500.000
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Nội	99.060.155.500	51.031.217.450	(48.028.938.050)	99.060.155.500
Cộng	566.884.866.243	225.108.615.111	(341.776.251.132)	532.358.801.743
				(211.349.013.424)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	76.091	16.552.169
- Các khoản khác	76.091	16.552.169
Dài hạn	2.562.366	4.330.378
- Công cụ dụng cụ phân bổ	2.562.366	1.217.672
- Các khoản khác	-	3.112.706
Cộng	2.638.457	20.882.547

878
Y
N
KH
INE
P.H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B09-DN

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2024	11.214.964.082	397.272.773	7.773.049.543	831.120.824	20.216.407.222
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.839.209.090)	-	(4.839.209.090)
31/12/2024	11.214.964.082	397.272.773	2.933.840.453	831.120.824	15.377.198.132
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2024	(2.540.805.305)	(397.272.773)	(4.990.544.493)	(810.917.934)	(8.739.540.505)
- Khấu hao trong năm	(463.295.916)	-	(349.020.999)	(8.081.148)	(820.398.063)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	2.801.801.403	-	2.801.801.403
31/12/2024	(3.004.101.221)	(397.272.773)	(2.537.764.089)	(818.999.082)	(6.758.137.165)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2024	8.674.158.777	-	2.782.505.050	20.202.890	11.476.866.717
31/12/2024	8.210.862.861	-	396.076.364	12.121.742	8.619.060.967

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 2.473.610.633 VND, tại ngày 01/01/2024 là 2.703.790.632 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B09-DN

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	7.207.894.724	7.207.894.724	7.078.129.505	7.078.129.505
- Công ty Cổ phần DAP-VINACHEM	1.039.530.800	1.039.530.800	1.039.530.800	1.039.530.800
- Công ty Cổ phần Công nghiệp lạnh Hưng Trí	1.262.500.000	1.262.500.000	1.262.500.000	1.262.500.000
- Chi nhánh Công ty CP Vật tư và Xuất nhập khẩu hóa chất tại Hải Phòng	888.362.000	888.362.000	888.362.000	888.362.000
- FAGRO INTERNATIONAL TRADING FZE	3.124.322.623	3.124.322.623	2.987.249.097	2.987.249.097
- Khách hàng khác	893.179.301	893.179.301	900.487.608	900.487.608
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	7.207.894.724	7.207.894.724	7.078.129.505	7.078.129.505



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Mẫu số B09-DN

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**Thuế và các khoản phải nộp**

- Thuế giá trị gia tăng phải nộp
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân
- Các loại thuế khác
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

	01/01/2024		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		31/12/2024	
	VND		VND		VND		VND	
	-		198.901.939		175.734.040		23.167.899	
	-		3.808.050.844		1.646.120.000		2.161.930.844	
	756.512		38.890.823		39.343.081		304.254	
	-		4.000.000		4.000.000		-	
	-		2.146.705.243		-		2.146.705.243	
	756.512		6.196.548.849		1.865.197.121		4.332.108.240	

Thuế và các khoản phải thu

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

	01/01/2024		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		31/12/2024	
	VND		VND		VND		VND	
	510.000.000		510.000.000		-		-	
	510.000.000		510.000.000		-		-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B09-DN

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2024		Trong năm		01/01/2024	Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm			
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	10.617.000.000	10.617.000.000	-	3.126.666.686	13.743.666.686	13.743.666.686	
Vay cá nhân (1)	10.617.000.000	10.617.000.000	-	3.060.000.000	13.677.000.000	13.677.000.000	
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	66.666.686	66.666.686	66.666.686	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hải Phòng	-	-	-	66.666.686	66.666.686	66.666.686	
Cộng	10.617.000.000	10.617.000.000	-	3.126.666.686	13.743.666.686	13.743.666.686	

Vay và nợ thuê tài chính với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 28.1

Thuyết minh chi tiết về các khoản vay tại thời điểm 31/12/2024:

(1) Vay cá nhân: Vay cá nhân ông Nguyễn Thanh Bình hợp đồng số 06-2021/HĐVT/QB-NTBF với lãi suất 0%, thời hạn vay 12 tháng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hình thức đảm bảo tiền vay: tín chấp; Phụ lục hợp đồng vay tiền số 01-062021/HĐVT/QB-NTBF ngày 01/11/2022 về thay đổi thời hạn vay thành 24 tháng. Hai bên đã ký biên bản bù trừ công nợ số 1204/BTKV/QB-NTBF ngày 12/04/2024 để thống nhất sau khi bù trừ công nợ Công ty Cổ phần XNK Quảng Bình còn nợ ông Nguyễn Thanh Bình số tiền là 10.617.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	752.630.317	761.789.133
- Kinh phí công đoàn	11.141.608	20.300.424
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	741.488.709	741.488.709
Dài hạn	-	-
Cộng	752.630.317	761.789.133

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B09-DN

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
		VND		VND		VND		VND		VND
01/01/2023		693.299.280.000	(3.249.100.000)		15.692.449.297	(220.217.002.727)		485.525.626.570		
- Lỗ trong năm trước		-	-	-	-	(41.032.681.136)		(41.032.681.136)		
31/12/2023		693.299.280.000	(3.249.100.000)		15.692.449.297	(261.249.683.863)		444.492.945.434		
01/01/2024		693.299.280.000	(3.249.100.000)		15.692.449.297	(261.249.683.863)		444.492.945.434		
- Lỗ trong năm nay		-	-	-	-	(140.463.549.918)		(140.463.549.918)		
31/12/2024		693.299.280.000	(3.249.100.000)		15.692.449.297	(401.713.233.781)		304.029.395.516		



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng

Bàng, Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu số B09-DN

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****15.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	92.005.790.000	92.005.790.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	601.293.490.000	601.293.490.000
Cộng	693.299.280.000	693.299.280.000

15.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	693.299.280.000	693.299.280.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	693.299.280.000	693.299.280.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

15.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2024	01/01/2024
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	69.329.928	69.329.928
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	69.329.928	69.329.928
+ Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	69.329.928
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69.329.928	69.329.928
+ Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	69.329.928
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

107306

CÔNG TY

CỔ PHẦN

XUẤT NHẬP

KHẨU QUẢNG BÌNH

HẢI PHÒNG

HẢI PHÒNG

HẢI PHÒNG

HẢI PHÒNG

HẢI PHÒNG

HẢI PHÒNG

HẢI PHÒNG

HẢI PHÒNG

HẢI PHÒNG

HẢI PHÒNG

HẢI PHÒNG

HẢI PHÒNG

HẢI PHÒNG

HẢI PHÒNG

HẢI PHÒNG

HẢI PHÒNG

HẢI PHÒNG

HẢI PHÒNG

HẢI PHÒNG

HẢI PHÒNG

HẢI PHÒNG

HẢI PHÒNG

HẢI PHÒNG

HẢI PHÒNG

HẢI PHÒNG

HẢI PHÒNG

HẢI PHÒNG

HẢI PHÒNG

HẢI PHÒNG

HẢI PHÒNG

HẢI PHÒNG

HẢI PHÒNG

HẢI PHÒNG

HẢI PHÒNG

HẢI PHÒNG

HẢI PHÒNG

HẢI PHÒNG

HẢI PHÒNG

HẢI PHÒNG

HẢI PHÒNG

Ch

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu	55.540.335.400	453.288.599.350
- Doanh thu bán hàng	55.321.183.800	451.478.462.450
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	219.151.600	1.810.136.900
Cộng	55.540.335.400	453.288.599.350

Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 28.1

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	55.308.044.791	450.079.995.207
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	168.331.684	971.813.770
Cộng	55.476.376.475	451.051.808.977

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	211.953.115	453.791.111
- Lãi bán các khoản đầu tư	-	40.000.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	3.897.088
Cộng	211.953.115	497.688.199

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí lãi vay	585.571	99.969.069
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	135.665.360	86.898.839
- Hoàn nhập Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	(340.117.568)
Cộng	136.250.931	(153.249.660)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	134.297.767.183	72.743.463.886
- Chi phí nhân viên quản lý	2.055.721.365	2.522.285.495
- Chi phí đồ dùng văn phòng	63.138.908	54.777.698
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	617.329.275	902.942.859
- Chi phí dự phòng	130.427.237.708	94.835.472.002
- Chi phí hoàn nhập dự phòng	-	(26.801.678.237)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	959.248.524	839.481.585
- Chi phí bằng tiền khác	175.091.403	390.182.484
<i>Các khoản chi phí bán hàng</i>	54.187.104	54.187.104
- Chi phí khấu hao TSCĐ	54.187.104	54.187.104
Cộng	134.351.954.287	72.797.650.990
21. THU NHẬP KHÁC	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	226.228.677	8.582.461
- Chi phí lãi vay được miễn, giảm	-	29.083.961.108
- Các khoản khác	-	900.000
Cộng	226.228.677	29.093.443.569
22. CHI PHÍ KHÁC	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Chi phí phạt, chậm nộp	2.159.434.573	-
- Chi phí thanh lý TSCĐ	-	216.201.947
Cộng	2.159.434.573	216.201.947
23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(136.145.499.074)	(41.032.681.136)
Các khoản chi phí không được khấu trừ	2322.394.469	557.488.786
- Khấu hao TSCĐ có Nguyên giá vượt quá 1,6 tỷ	63.597.000	254.388.000
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	99.362.896	86.898.839
- Chi phí không hợp lý khác	2.159.434.573	216.201.947
Các khoản thu nhập không chịu thuế TNDN	-	-
- Chuyển lỗ các năm trước	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	(133.823.104.605)	(40.475.192.350)
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	-	-
Thuế TNDN truy thu của năm trước	4.318.050.844	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	4.318.050.844	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(140.463.549.918)	(41.032.681.136)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	69.329.928	69.329.928
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(2.026)	(592)

25. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Điều hành Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	63.138.908	54.777.698
- Chi phí nhân công	2.055.721.365	2.522.285.495
- Khấu hao tài sản cố định	820.398.063	1.232.043.733
- Chi phí dự phòng	130.427.237.708	68.033.793.765
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	978.698.524	839.481.585
- Chi phí bằng tiền khác	175.091.403	1.087.082.484
Cộng	134.520.285.971	73.769.464.760

27. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Trong năm, Công ty chủ yếu phát sinh doanh thu thương mại kinh doanh mặt hàng phân bón hóa chất chiếm trên 99,7% tổng doanh thu và toàn bộ hoạt động tại thị trường Việt Nam. Do đó, Công ty không tiến hành lập Báo cáo Bộ phận cho năm tài chính kết thúc đến ngày 31/12/2024 và nhận thấy thông tin bộ phận là không trọng yếu cho người sử dụng Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. THÔNG TIN KHÁC

28.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các Bên liên quan của Công ty bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Ông Hoàng Văn Hưng	Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc

Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
- Ông Nguyễn Thanh Bình	Trả gốc tiền vay	3.060.000.000	400.000.000

Số dư với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
- Ông Nguyễn Thanh Bình	Vay ngắn hạn	10.617.000.000	13.677.000.000

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
- Bà Vũ Thị Dương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 24/06/2024)	160.891.339	240.519.747
- Bà Trần Thị Yến Chi	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 24/06/2024)	47.799.879	-
- Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 21/07/2022)	79.153.495	263.751.145
- Bà Hà Thị Mai Hương	Thành viên Hội đồng Quản trị	163.785.706	189.718.261
- Bà Lê Thị Thanh Hải	Thành viên Hội đồng Quản trị	86.400.000	86.400.000
- Ông Hoàng Văn Hưng	Tổng Giám đốc	143.452.626	143.342.147
- Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 18/04/2024)	67.055.804	149.850.960
- Bà Trần Thị Thu Trang	Thành viên Ban Kiểm soát	139.200.805	138.889.260
- Bà Đặng Thị Phương Thảo	Trưởng Ban Kiểm soát	86.400.000	86.400.000
- Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên Ban Kiểm soát	64.800.000	64.800.000
Cộng		1.038.939.654	1.363.671.520

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Hà Nội – Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Hải Phòng, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Đỗ Thu Hằng

Nguyễn Văn Trung

Trần Thị Yến Chi



